

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

TÀI LIỆU

PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ VÀ TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG



(Ảnh sưu tầm)

NĂM 2022

LỜI NÓI ĐẦU

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang đã được các cấp, các ngành quan tâm, triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và phổ biến pháp luật về thi hành án hình sự nói riêng góp phần giúp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tiếp cận và tìm hiểu pháp luật; vận động Nhân dân chấp hành pháp luật về thi hành án hình sự và tái hoà nhập cộng đồng; đồng thời góp phần hướng dẫn, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, góp phần hạn chế tỷ lệ tái phạm tội và vi phạm pháp luật, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nhằm tiếp tục phát huy vai trò, ý nghĩa của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và thực hiện có hiệu quả Công văn số 578/UBND-NC ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi hành án hình sự và tái hoà nhập cộng đồng theo kiến nghị Bộ Công an, Sở Tư pháp - cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh An Giang tổ chức biên soạn Tài liệu phổ biến pháp luật về thi hành án hình sự và một số quy định về xóa án tích, tái hoà nhập cộng đồng.

Nội dung Tài liệu gồm 2 phần:

- Phần I: Hỏi - Đáp pháp luật.*
- Phần II: Tình huống pháp luật.*

Chúng tôi hy vọng nội dung Tài liệu sẽ bổ ích, trang bị những kiến thức pháp luật cơ bản nhất đến quý bạn đọc, góp phần thực hiện tốt các quy định pháp luật về thi hành án hình sự và tái hoà nhập cộng đồng.

Trong quá trình biên soạn Tài liệu, mặc dù chúng tôi đã có rất nhiều cố gắng nhưng chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những thiếu sót; Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý bạn đọc.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I
HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT

1. LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ NĂM 2019

Hỏi. Pháp luật quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự?

Đáp:

Theo Điều 10 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, các hành vi bị nghiêm cấm trong thi hành án hình sự bao gồm:

- Phá hủy cơ sở quản lý, giam giữ; hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cơ sở quản lý, giam giữ; tổ chức trốn hoặc trốn khỏi nơi quản lý, giam giữ; tổ chức trốn hoặc trốn khi đang bị áp giải, dẫn giải; đánh tháo phạm nhân, người chấp hành biện pháp tư pháp, người bị áp giải, dẫn giải.

- Không chấp hành quyết định thi hành án hình sự; cản trở hoặc chống lại việc thực hiện nội quy, quy chế về thi hành án hình sự hoặc quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành án hình sự.

- Tổ chức, kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về thi hành án hình sự; trả thù, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người có trách nhiệm thi hành án hình sự.

- Không ra quyết định thi hành án hình sự; không thi hành quyết định trả tự do theo quy định của pháp luật và quyết định khác của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành án hình sự.

- Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ, những nhiễu trong thi hành án hình sự.

- Tha trái pháp luật người đang bị giam, người bị áp giải thi hành án; thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, canh gác, áp giải thi hành án để người chấp hành án phạt tù, án tử hình hoặc án phạt trục xuất trốn.

- Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách cho người không đủ điều kiện; không đề nghị cho người đủ điều kiện được miễn, giảm, hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện, rút ngắn thời gian thử thách; đề nghị hoặc không đề nghị chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp tư pháp, hoãn, đình chỉ thi hành biện pháp tư pháp; cản trở người, pháp nhân thương mại chấp hành án thực hiện các quyền theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục người chấp hành án, biện pháp tư pháp.

- Kỳ thi, phân biệt đối xử hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người, pháp nhân thương mại chấp hành án.
- Cấp hoặc từ chối cấp trái quy định của pháp luật quyết định, giấy chứng nhận, xác nhận hoặc giấy tờ khác về thi hành án hình sự.
- Làm sai lệch hồ sơ, sổ sách về thi hành án hình sự.

Hỏi. Quyết định thi hành án phạt tù được gửi cho cơ quan/người nào?

Đáp:

Theo quy định tại Điều 22 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về quyết định thi hành án phạt tù như sau:

- Quyết định thi hành án phạt tù phải ghi rõ họ, tên, chức vụ người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành quyết định thi hành án; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị kết án; thời hạn chấp hành án phạt tù, thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung. Trường hợp người bị kết án đang tại ngoại, quyết định thi hành án phải ghi rõ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, người bị kết án phải có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người đó làm việc.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

- + Người chấp hành án và người đại diện trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi;
- + Viện kiểm sát cùng cấp;
- + Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu;
- + Trại tạm giam nơi người chấp hành án đang bị tạm giam hoặc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ hoặc đang tại ngoại;
- + Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở;
- + Bộ Ngoại giao trong trường hợp người chấp hành án là người nước ngoài.

Hỏi. Pháp luật quy định về thủ tục hoãn chấp hành án phạt tù như thế nào?

Đáp:

Thủ tục hoãn chấp hành án phạt tù được quy định tại Điều 24 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, cụ thể:

- Đối với người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án có thể tự mình hoặc theo đơn đề nghị của người bị kết

án, văn bản đề nghị của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành án cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người chấp hành án làm việc hoặc cư trú ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù. Đơn đề nghị hoặc văn bản đề nghị phải được gửi cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo các giấy tờ có liên quan.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản đề nghị hoãn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải xem xét, quyết định. Trường hợp không đồng ý hoãn chấp hành án phạt tù thì Chánh án Tòa án phải có văn bản trả lời người có đơn đề nghị hoặc cơ quan có văn bản đề nghị và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, trong đó nêu rõ lý do không chấp nhận.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

+ Người được hoãn chấp hành án và người đại diện trong trường hợp người được hoãn chấp hành án là người dưới 18 tuổi;

+ Viện kiểm sát cùng cấp;

+ Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người được hoãn thi hành án cư trú, làm việc;

+ Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở;

+ Bộ Ngoại giao trong trường hợp người được hoãn chấp hành án là người nước ngoài.

Hỏi. Pháp luật quy định về việc giam giữ phạm nhân như thế nào?

Đáp:

Việc giam giữ phạm nhân được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

- Trại giam tổ chức giam giữ phạm nhân như sau:

+ Khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án phạt tù trên 15 năm, tù chung thân, phạm nhân thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm;

+ Khu giam giữ đối với phạm nhân có mức án phạt tù từ 15 năm trở xuống; phạm nhân có mức án phạt tù trên 15 năm đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù và thời hạn chấp hành án còn lại dưới 15 năm; phạm nhân thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đã chấp hành một phần hai thời hạn chấp hành án phạt tù và đã được giảm thời hạn chấp hành án;

+ Buồng kỷ luật đối với phạm nhân bị kỷ luật.

- Trong các khu giam giữ quy định nêu trên, những phạm nhân dưới đây được bố trí giam giữ riêng:

+ Phạm nhân nữ;

+ Phạm nhân là người dưới 18 tuổi;

- + Phạm nhân là người nước ngoài;
- + Phạm nhân là người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;
- + Phạm nhân có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình trong thời gian chờ quyết định của Tòa án;
- + Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi theo mẹ vào trại giam;
- + Phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân.
- Phạm nhân là người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, người chưa xác định rõ giới tính có thể được giam giữ riêng.
- Trong trại tạm giam, những phạm nhân nữ và phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân được bố trí giam giữ riêng.
- Phạm nhân được chia thành các đội, tổ để lao động, học tập và sinh hoạt. Căn cứ vào tính chất của tội phạm, mức hình phạt, đặc điểm nhân thân của phạm nhân, kết quả chấp hành án, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam quyết định việc phân loại, chuyển khu giam giữ.

Hỏi. Chế độ lao động của phạm nhân được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Pháp luật quy định về chế độ lao động của phạm nhân tại Điều 32 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

- Phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và đáp ứng yêu cầu quản lý, giáo dục, hòa nhập cộng đồng. Phạm nhân lao động phải dưới sự giám sát, quản lý của trại giam, trại tạm giam. Thời giờ lao động của phạm nhân không quá 08 giờ trong 01 ngày và 05 ngày trong 01 tuần, được nghỉ vào các ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật. Trường hợp đột xuất hoặc thời vụ, Giám thị trại giam có thể yêu cầu phạm nhân làm thêm giờ nhưng không được vượt quá tổng số giờ làm thêm trong ngày theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp phạm nhân lao động thêm giờ hoặc lao động trong ngày nghỉ thì được nghỉ bù hoặc được bồi dưỡng bằng tiền, hiện vật.

Trại giam phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho phạm nhân.

- Phạm nhân nữ được bố trí làm công việc phù hợp với giới tính; không được bố trí làm công việc không sử dụng lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động.

- Phạm nhân bị bệnh hoặc có nhược điểm về thể chất, tâm thần thì tùy mức độ, tính chất của bệnh và trên cơ sở chỉ định của y tế trại giam, trại tạm giam được miễn hoặc giảm thời gian lao động.

- Phạm nhân được nghỉ lao động trong các trường hợp sau đây:
- + Phạm nhân bị bệnh, không đủ sức khỏe lao động và được y tế trại giam xác nhận;
- + Phạm nhân đang điều trị tại cơ sở y tế;
- + Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam mà bị bệnh, được y tế trại giam xác nhận;
- + Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động.

Hỏi. Việc tổ chức lao động cho phạm nhân được quy định như thế nào?

Đáp:

Pháp luật quy định về tổ chức lao động cho phạm nhân tại Điều 33 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

1. Căn cứ vào độ tuổi, sức khỏe, giới tính, mức án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của phạm nhân; điều kiện đất đai, tài nguyên, ngành, nghề, trang thiết bị, phương tiện, vật tư, nguồn vốn mà trại giam đang quản lý và điều kiện cụ thể của trại giam; khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân để tổ chức lao động cho phạm nhân, Giám thị trại giam lập kế hoạch tổ chức lao động cho phạm nhân trong năm, gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng để phê duyệt.

2. Kế hoạch tổ chức lao động cho phạm nhân hằng năm phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- Tổng số phạm nhân, trong đó có số lượng phạm nhân đủ điều kiện lao động theo quy định của pháp luật;
- Dự kiến chi phí cho lao động; trích khấu hao tài sản cố định;
- Dự kiến kết quả lao động của phạm nhân; chênh lệch thu, chi trong tổ chức lao động của phạm nhân;
- Dự kiến, đề xuất kế hoạch sử dụng kết quả lao động của phạm nhân.

3. Trại giam tổ chức lao động cho phạm nhân theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 nêu trên phê duyệt.

Hỏi. Thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Theo Điều 38 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được quy định như sau:

- Cơ quan có thẩm quyền theo quy định (gồm trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp

tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu) có quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

- Cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có trách nhiệm lập hồ sơ và chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án xem xét, quyết định, đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án. Hồ sơ bao gồm:

+ Bản sao bản án; trường hợp xét giảm án tù lần hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án;

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù;

+ Kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù theo quý, 06 tháng, 01 năm; quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc phạm nhân lập công;

+ Kết luận của bệnh viện, hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh tật đối với trường hợp phạm nhân bị bệnh hiểm nghèo hoặc tài liệu thể hiện phạm nhân là người quá già yếu;

+ Bản sao quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với trường hợp đã được giảm;

+ Tài liệu chứng minh kết quả bồi thường nghĩa vụ dân sự của người được đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, cơ quan đề nghị giảm thời hạn chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù có trụ sở, Bộ Ngoại giao trong trường hợp người được giảm thời hạn chấp hành án là người nước ngoài.

- Việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được thực hiện mỗi năm 03 đợt. Người chấp hành án mỗi năm chỉ được xét giảm thời hạn chấp hành án 01 lần. Trường hợp sau khi được giảm thời hạn chấp hành án mà có lý do đặc biệt đáng được khoan hồng thêm như đã lập công, đã quá già yếu hoặc bị bệnh hiểm nghèo thì có thể được xét giảm tiếp nhưng không quá 02 lần trong 01 năm.

Hỏi. Pháp luật quy định về thủ tục miễn chấp hành án phạt tù như thế nào?

Đáp:

Thủ tục miễn chấp hành án phạt tù được quy định tại Điều 39 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, cụ thể:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi người chấp hành án phạt tù đang cư trú hoặc làm việc lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu xét miễn chấp hành án phạt tù. Hồ sơ bao gồm:

- + Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- + Văn bản đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền;
- + Đơn xin miễn chấp hành án phạt tù của người bị kết án;
- + Đối với người bị kết án đã lập công hoặc lập công lớn thì phải có bản tường trình có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền; đối với người bị kết án bị bệnh hiểm nghèo thì phải có kết luận của bệnh viện, hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên; đối với người bị kết án chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn thì phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người đó cư trú.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn chấp hành án phạt tù, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định miễn chấp hành án phạt tù. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc miễn chấp hành án phạt tù, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát đề nghị, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được miễn chấp hành án cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở, Bộ Ngoại giao trong trường hợp người được miễn chấp hành án là người nước ngoài.

- Ngay sau khi nhận được quyết định miễn chấp hành án phạt tù, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải làm thủ tục trả tự do cho người được miễn chấp hành án và báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự hoặc cơ quan thi hành án hình sự cấp trên.

Hỏi. Chế độ mặc và tư trang của phạm nhân được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Pháp luật quy định về chế độ mặc và tư trang của phạm nhân tại Điều 49 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

Phạm nhân được cấp quần áo theo mẫu thống nhất, khăn mặt, chăn, chiếu, màn, dép, mũ hoặc nón, xà phòng, kem và bàn chải đánh răng; phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ. Phạm nhân tham gia lao động được cấp thêm quần áo để lao động và căn cứ vào điều kiện công việc cụ thể được cấp dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết.

Bên cạnh đó, Điều 8 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về chế độ mặc và tư trang của phạm nhân gồm:

1. Phạm nhân được cấp:

- 02 bộ quần áo dài bằng vải thường theo mẫu thống nhất/năm;
- 02 bộ quần áo lót/năm;
- 02 khăn mặt/năm;
- 02 chiếu cá nhân/năm;
- 02 đôi dép/năm;
- 01 mũ (đối với phạm nhân nam) hoặc 01 nón (đối với phạm nhân nữ)/năm;
- 01 áo mưa nilông/năm;
- 04 bàn chải đánh răng/năm;
- 600 g kem đánh răng/năm;
- 3,6 kg xà phòng/năm;
- 800 ml dầu gội đầu/năm;
- 01 màn/03 năm;
- 01 chăn/04 năm (từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và 05 tỉnh Tây Nguyên cấp chăn bông có vỏ nặng không quá 02 kg, các tỉnh còn lại cấp chăn sợi);

- 01 áo ấm/03 năm (cấp từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và 05 tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại không cấp);

Phạm nhân nữ được cấp đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân tương đương 02 kg gạo tẻ/người/tháng.

2. Phạm nhân tham gia lao động, học nghề mỗi năm được phát 02 bộ quần áo bảo hộ lao động và dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết khác.

Mẫu, màu quần áo và phương tiện bảo hộ lao động của phạm nhân do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Hỏi. Xin hãy cho biết Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 50 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của phạm nhân như sau:

- Phạm nhân được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án.

Mỗi phân trại của trại giam có thư viện, khu vui chơi, sân thể thao, được trang bị một hệ thống truyền thanh nội bộ, mỗi buồng giam tập thể được trang bị 01 ti vi.

- Thời gian hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình của phạm nhân được thực hiện theo nội quy trại giam.

- Phạm nhân theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Hỏi. Xin hãy cho biết phạm nhân nữ có thai được hưởng những chế độ nào?

Đáp:

Tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ đối với phạm nhân nữ có thai như sau:

- Phạm nhân nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi giam hợp lý, được khám thai định kỳ hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết, được giảm thời gian lao động, được hưởng chế độ ăn, uống bảo đảm sức khỏe.

- Phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động. Trong thời gian nghỉ sinh con, phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sỹ hoặc bác sỹ, được cấp phát thực phẩm, đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh.

Hỏi. Xin hãy cho biết pháp luật quy định như thế nào về chế độ gặp, nhận quà của phạm nhân?

Đáp:

Tại Điều 52 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ gặp, nhận quà của phạm nhân như sau:

1. Phạm nhân được gặp thân nhân 01 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 01 giờ. Căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của phạm nhân, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quyết định kéo dài thời gian gặp thân nhân nhưng không quá 03 giờ hoặc được gặp vợ, chồng ở phòng riêng không quá 24 giờ. Phạm nhân được khen thưởng hoặc lập công thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

Phạm nhân vi phạm nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân thì 02 tháng được gặp thân nhân 01 lần, mỗi lần không quá 01 giờ.

2. Trường hợp đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác có đề nghị được gặp phạm nhân thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Khi gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác, phạm nhân được nhận thư, tiền, đồ vật, trừ đồ vật thuộc danh mục cấm. Đối với tiền, phạm nhân phải gửi trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý. Việc quản lý, sử dụng đồ vật, tiền của phạm nhân được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 28 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

4. Phạm nhân được nhận quà là tiền, đồ vật do thân nhân gửi qua đường bưu chính không quá 02 lần trong 01 tháng. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận tiền, đồ vật mà thân nhân của phạm nhân gửi cho phạm nhân và bóc, mở, kiểm tra để phát hiện và xử lý đồ vật thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

5. Thân nhân của phạm nhân đến gặp phạm nhân phải mang theo sổ thăm gặp hoặc đơn xin gặp có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi người đó cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải phổ biến cho thân nhân của phạm nhân về quy định thăm gặp phạm nhân; thân nhân của phạm nhân phải chấp hành các quy định này.

Đối với phạm nhân là người nước ngoài, trường hợp thân nhân là người nước ngoài thì phải có đơn xin gặp gửi cơ quan quản lý thi hành án hình sự, đơn phải viết bằng tiếng Việt hoặc được dịch ra tiếng Việt và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam nơi người đó làm việc; trường hợp thân nhân là người Việt Nam thì đơn xin gặp phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan quản lý thi hành án hình sự có trách nhiệm trả lời người có đơn; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng thời hạn trả lời không quá 30 ngày.

6. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bố trí nơi phạm nhân gặp thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác.

Hỏi. Xin hãy cho biết chế độ liên lạc của phạm nhân được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Theo Điều 54 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 chế độ liên lạc của phạm nhân được quy định như sau:

1. Phạm nhân được gửi mỗi tháng 02 lá thư. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải kiểm tra, kiểm duyệt thư mà phạm nhân gửi và nhận.

2. Phạm nhân được liên lạc điện thoại trong nước với thân nhân mỗi tháng 01 lần, mỗi lần không quá 10 phút, trừ trường hợp cấp bách. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, quyết định việc cho phạm nhân liên lạc bằng điện thoại và tổ chức kiểm soát việc liên lạc này.

3. Chi phí cho việc liên lạc của phạm nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên do phạm nhân chi trả.

Hỏi. Xin hãy cho biết thời điểm xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 57 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định thời điểm xét tha tù trước thời hạn có điều kiện như sau:

Việc xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện mỗi năm 03 đợt vào thời điểm kết thúc quý I, kết thúc quý II và kết thúc năm xếp loại.

Hỏi. Xin hãy cho biết việc thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 59 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện như sau:

1. Ngay sau khi nhận được quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải niêm yết danh sách phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện tại cơ sở giam giữ phạm nhân. Ngay sau khi quyết định tha tù trước thời hạn có hiệu lực pháp luật, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện và tha phạm nhân. Thời gian thử thách được tính từ ngày quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện có hiệu lực pháp luật.

Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm bàn giao hồ sơ phạm nhân cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiếp nhận, quản lý hồ sơ phạm nhân; lập hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội để tổ chức quản lý.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải trình diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý để cam kết chấp hành nghĩa vụ, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp hết thời hạn 05 ngày mà người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không trình diện, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội triệu tập người đó đến trụ sở để

cam kết việc chấp hành nghĩa vụ. Trường hợp người đó không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập hoặc không cam kết thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản vi phạm nghĩa vụ.

Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kết quả việc trình diện và cam kết của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do quân đội quản lý nhưng sau đó không còn phục vụ trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao người đó kèm theo hồ sơ phạm nhân cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú lập hồ sơ quản lý và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quản lý.

4. Vào ngày cuối cùng của thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đã quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho họ và gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi người đó đã chấp hành án, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

5. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện chết, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án và gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.

Hỏi. Xin hãy cho biết người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện nghĩa vụ gì theo quy định của pháp luật?

Đáp:

Theo Điều 62 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện những nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập.

2. Trình diện và cam kết theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý.

4. Chấp hành quy định về việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện (Điều 67 Luật Thi hành án hình sự năm 2019).

5. Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý.

6. Hằng tháng phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình. Trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì khi hết thời hạn vắng mặt, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

Hỏi. Xin hãy cho biết việc lao động, học tập của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 63 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc lao động, học tập của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện như sau:

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thì được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác theo quy định của pháp luật.

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật.

3. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không thuộc trường hợp các quy định nêu trên thì được Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện tìm việc làm.

Hỏi. Xin hãy cho biết người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách khi có đủ các điều kiện nào?

Đáp:

Tại khoản 1 Điều 64 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách;
- b) Có nhiều tiến bộ trong thời gian thử thách.

Đồng thời, khoản 2 Điều 64 cũng quy định người được tha tù trước thời hạn có điều kiện mỗi năm có thể được rút ngắn thời gian thử thách 01 lần từ 03 tháng đến 02 năm. Trường hợp thời gian thử thách của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện còn lại dưới 03 tháng thì Tòa án có thể quyết định rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể được rút ngắn thời gian thử thách nhiều lần, nhưng phải bảo đảm thực tế đã chấp hành ít nhất ba phần tư thời gian thử thách, trừ trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện là người dưới 18 tuổi, người đã lập công, người đã quá già yếu hoặc người bị bệnh hiểm nghèo và có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.

Hỏi. Xin hãy cho biết thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 65 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có trách nhiệm rà soát người đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, lập hồ sơ và có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét, có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với những người có đủ điều kiện gửi kèm hồ sơ đến cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xem xét, có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện gửi Tòa án nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, đồng thời gửi Viện kiểm sát cùng cấp.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị của đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu xem xét, có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với những người có đủ điều kiện gửi Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, quyết định, đồng thời gửi Viện kiểm sát cùng cấp.

4. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cư trú, làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc rút ngắn thời gian thử thách, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định rút ngắn thời gian thử thách có trụ sở.

Hỏi. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có được vắng mặt tại nơi cư trú hay không? Việc vắng mặt tại nơi cư trú của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được quy định như thế nào?

Đáp:

Điều 67 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được vắng mặt tại nơi cư trú như sau:

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian thử thách nhưng mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý.

3. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Hỏi. Xin hãy cho biết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện muốn thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải đáp ứng những điều kiện nào theo quy định của pháp luật?

Đáp:

Tại khoản 2 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được xem xét, giải quyết cho thay đổi nơi cư trú nếu bảo đảm các điều kiện sau đây:

- a) Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về cư trú;
- b) Được sự đồng ý của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong trường hợp thay đổi nơi cư trú trong phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong trường hợp thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an trong trường hợp thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc thay đổi nơi làm việc của người được tha tù trước thời hạn có điều

kiện trong phạm vi quân khu do cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu quyết định.

- Việc thay đổi nơi làm việc của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện ngoài phạm vi quân khu do cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng quyết định.

- Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không tiếp tục làm việc trong quân đội thì cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu làm thủ tục chuyển hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú để quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Hỏi. Pháp luật xử lý như thế nào đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính?

Đáp:

Tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định việc xử lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm; trường hợp cố ý vi phạm lần thứ hai thì lập biên bản vi phạm và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do đơn vị quân đội quản lý cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 62 của Luật này thì đơn vị quân đội được giao quản lý lập biên bản vi phạm; trường hợp cố ý vi phạm lần thứ hai thì lập biên bản vi phạm và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì Công an cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do đơn vị quân đội quản lý vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính từ 02 lần trở lên thì đơn vị quân đội được giao quản lý báo cáo cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện để tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kèm theo biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu khác có liên quan của đơn vị quân đội được giao quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu tiến hành thủ tục đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Hỏi. Chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động đối với phạm nhân (người chấp hành án phạt tù) là người dưới 18 tuổi được quy định như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 74 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ quản lý, giáo dục, học văn hóa, học nghề, lao động đối với phạm nhân là người dưới 18 tuổi như sau:

1. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe, giới tính và đặc điểm nhân thân.

2. Trại giam có trách nhiệm giáo dục phạm nhân là người dưới 18 tuổi về văn hóa, pháp luật và dạy nghề phù hợp với độ tuổi, học vấn, giới tính và sức khỏe, chuẩn bị điều kiện để họ hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở. Giáo dục tiểu học là bắt buộc đối với phạm nhân chưa học xong chương trình tiểu học.

3. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được lao động ở khu vực riêng và phù hợp với độ tuổi; không phải làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

Hỏi. Xin hãy cho biết phạm nhân (người chấp hành án phạt tù) là người dưới 18 tuổi được hưởng chế độ ăn, mặc, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và vui chơi giải trí như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 75 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ ăn, mặc, chăm sóc y tế, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và vui chơi giải trí đối với phạm nhân là người dưới 18 tuổi như sau:

1. Phạm nhân là người dưới 18 tuổi được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng ăn và được chăm sóc y tế như phạm nhân là người từ đủ 18 tuổi trở lên và được tăng thêm thịt, cá nhưng không quá 20% so với định lượng.

2. Ngoài tiêu chuẩn mặc và tư trang như phạm nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, mỗi năm phạm nhân là người dưới 18 tuổi được cấp thêm quần áo theo mẫu thống nhất và đồ dùng cá nhân khác theo quy định.

3. Thời gian và hình thức tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, nghe đài, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hình thức vui chơi giải trí khác phù hợp với đặc điểm của người dưới 18 tuổi.

Hỏi. Quyết định thi hành án treo được thực hiện như thế nào theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự năm 2019?

Đáp:

Tại Điều 84 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về Quyết định thi hành án treo như sau:

- Quyết định thi hành án treo phải ghi rõ họ, tên, chức vụ người ra quyết định; bản án, quyết định được thi hành; tên cơ quan có nhiệm vụ thi hành; họ,

tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được hưởng án treo; mức hình phạt tù và thời gian thử thách của người được hưởng án treo; hình phạt bổ sung, trừ hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án treo, Tòa án phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

+ Người được hưởng án treo và người đại diện trong trường hợp người được hưởng án treo là người dưới 18 tuổi;

+ Viện kiểm sát cùng cấp;

+ Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, cơ quan thi hành án hình sự cấp quận khu nơi người được hưởng án treo làm việc;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;

+ Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Hỏi. Việc lao động, học tập của người được hưởng án treo được Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định như thế nào?

Đáp:

Tại Điều 88 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về việc lao động, học tập của người được hưởng án treo như sau:

- Người được hưởng án treo là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng, công nhân công an, người lao động nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc bảo đảm yêu cầu giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà họ đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác, thời gian tại ngũ theo quy định của pháp luật.

- Người được hưởng án treo được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó.

- Người được hưởng án treo không thuộc các trường hợp trên thì được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú tạo điều kiện tìm việc làm.

- Người được hưởng án treo thuộc đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hỏi. Thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo theo Luật Thi hành án hình sự năm 2019 được quy định như thế nào?

Đáp:

Thủ tục rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo được quy định tại Điều 90 Luật Thi hành án hình sự 2019 như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo có trách nhiệm rà soát người đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật này, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kèm theo tài liệu có liên quan để đề nghị xét rút ngắn thời gian thử thách.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ và có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ rút ngắn thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ và có văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát quân sự khu vực. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ rút ngắn thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản thông báo cho đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

- Hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách bao gồm:

- + Đơn đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của người được hưởng án treo;
- + Bản sao bản án. Đối với trường hợp xét rút ngắn thời gian thử thách từ lần thứ hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án treo;
- + Văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;
- + Trường hợp người được hưởng án treo được khen thưởng hoặc lập công thì hồ sơ phải có quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người được hưởng án treo lập công; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì phải có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh của họ;

+ Trường hợp người được hưởng án treo đã được rút ngắn thời gian thử thách thì phải có bản sao quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo cư trú hoặc làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện

kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách của án treo, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, Tòa án đã ra quyết định cho hưởng án treo, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định cho hưởng án treo có trụ sở.

Hỏi. Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định như thế nào về trách nhiệm giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức và gia đình đối với người được hưởng án treo?

Đáp:

Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về trách nhiệm giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức và gia đình đối với người được hưởng án treo tại Điều 94 như sau:

- Cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

- Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục và thông báo kết quả chấp hành án của người được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục khi có yêu cầu; phải có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người được hưởng án treo theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục.

Hỏi. Việc thi hành quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Đáp:

Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về việc thi hành quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ tại Điều 97 như sau:

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải triệu tập người chấp hành án, người đại diện trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, đơn vị quân đội nơi người đó làm việc để cam kết việc chấp hành án. Người chấp hành án, người đại diện của người chấp hành án phải có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp người chấp hành án không có mặt theo giấy triệu tập hoặc không cam kết thì cơ quan thi hành án

hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm nghĩa vụ.

2. Khi nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ thi hành án và sao gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án. Hồ sơ bao gồm:

+ Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

+ Quyết định thi hành án;

+ Cam kết của người chấp hành án. Đối với người chấp hành án là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì bản cam kết của người đó phải có xác nhận của người đại diện;

+ Tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày triệu tập người chấp hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phải lập hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án. Hồ sơ bao gồm:

+ Các tài liệu quy định tại khoản 2 nêu trên;

+ Bản nhận xét của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục về việc chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án;

+ Bản tự nhận xét của người chấp hành án về việc thực hiện nghĩa vụ chấp hành pháp luật; trường hợp người chấp hành án bị kiểm điểm theo quy định tại Điều 105 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì phải có bản kiểm điểm và biên bản cuộc họp kiểm điểm;

+ Trường hợp được giảm thời hạn chấp hành án, miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thì phải có quyết định của Tòa án;

+ Tài liệu khác có liên quan.

4. Trước khi hết thời gian chấp hành án 03 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ. Giấy chứng nhận phải gửi cho người chấp hành án, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

5. Trường hợp người chấp hành án chết, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ

ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án và gửi cho cơ quan quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 96 của Luật này.

Hỏi. Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về việc lao động, học tập của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ?

Đáp:

Điều 101 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về việc lao động, học tập của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ như sau:

- Người chấp hành án là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân và viên chức quốc phòng, công nhân công an, người lao động nếu được tiếp tục làm việc tại cơ quan, tổ chức thì được bố trí công việc bảo đảm yêu cầu giám sát, giáo dục, được hưởng tiền lương và chế độ khác phù hợp với công việc mà họ đảm nhiệm, được tính vào thời gian công tác, thời gian tại ngũ theo quy định của pháp luật.

- Người chấp hành án được cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận học tập thì được hưởng quyền lợi theo quy chế của cơ sở đó.

- Người chấp hành án không thuộc trường hợp quy định trên được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chấp hành án tạo điều kiện tìm việc làm.

- Người chấp hành án thuộc đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Người chấp hành án không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành án thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người chấp hành án được xác định là không có việc làm hoặc bị mất việc làm, Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cùng cấp; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải xem xét, quyết định buộc người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải nêu rõ loại công việc, thời gian lao động phục vụ cộng đồng dự kiến buộc người chấp hành án phải thực hiện.

Căn cứ quyết định buộc người chấp hành án phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho người chấp

hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng dưới sự giám sát của Công an cấp xã.

Hỏi. Thủ tục miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được quy định như thế nào?

Đáp:

Thủ tục miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại Điều 104 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực nơi người chấp hành án đang cư trú, làm việc, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu xem xét, lập hồ sơ đề nghị Tòa án cùng cấp xét miễn chấp hành án. Hồ sơ bao gồm:

- + Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- + Văn bản đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát;
- + Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự trong trường hợp cơ quan này đề nghị;
- + Đơn xin miễn chấp hành án của người bị kết án hoặc người đại diện theo quy định của pháp luật;
- + Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người bị kết án đã lập công; kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh của người bị kết án bị bệnh hiểm nghèo; xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người bị kết án chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 nêu trên, Chánh án Tòa án có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định miễn chấp hành án. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc miễn chấp hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người bị kết án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành án có trụ sở.

Hỏi. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cấm cư trú?

Đáp:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 109 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, người chấp hành án phạt cấm cư trú có các quyền sau đây:

a) Khi có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cấm cư trú thì người chấp hành án phạt cấm cư trú được đến địa phương đó; thời gian lưu trú do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến quyết định nhưng mỗi lần không quá 05 ngày;

b) Khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đề nghị miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú theo quy định của Luật này.

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 109 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định người chấp hành án phạt cấm cư trú có các nghĩa vụ sau đây:

- Không được cư trú ở những nơi đã bị cấm cư trú, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 nêu trên;
- Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết của mình trong việc tuân thủ pháp luật;
- Có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú.

Như vậy, quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án phạt cấm cư trú được quy định tại Điều 109 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Hỏi. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về xử lý người chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ?

Đáp:

Theo quy định tại Điều 111 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, việc xử lý người chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ được quy định như sau:

1. Trường hợp người chấp hành án đến lưu trú mà chưa được phép hoặc lưu trú quá thời hạn cho phép thì Trưởng Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, buộc họ rời khỏi địa phương và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú.

2. Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú không chấp hành nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 109 của Luật này (*Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết của mình trong việc tuân thủ pháp luật; Có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú*) thì không được xem xét miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại.

Như vậy, xử lý người chấp hành án phạt cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 111 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Hỏi. Xin cho biết theo quy định của pháp luật, khi nhận được người chấp hành án, hồ sơ thi hành án phạt quản chế mà cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập bao gồm những gì?

Đáp:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận người chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ thi hành án phạt quản chế và sao gửi các tài liệu cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú. Hồ sơ bao gồm:

- Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- Bản sao quyết định thi hành án phạt tù;
- Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù;
- Biên bản giao người bị quản chế;
- Tài liệu về quá trình chấp hành án phạt tù và tài liệu khác có liên quan.

Như vậy, khi nhận được người chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ thi hành án phạt quản chế bao gồm các tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 nêu trên.

Hỏi. Xin cho biết trong trường hợp người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân chết thì thủ tục thi hành án phạt tước một số quyền công dân được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 6 Điều 125 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, trường hợp người chấp hành án chết, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Như vậy, trong trường hợp người chấp hành án chết, thủ tục thi hành án phạt tước một số quyền công dân được quy định tại Khoản 6 Điều 125 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Hỏi. Xin cho biết trường hợp người có hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải chấp hành hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù cho hưởng án treo thì thời hạn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được pháp luật quy định từ thời điểm nào?

Đáp:

Khoản 4 Điều 129 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định như sau:

“Trường hợp người có hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải chấp hành hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù cho hưởng án treo thì thời hạn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Tòa án ra quyết định thi hành án phải gửi bản án, quyết định thi hành án cho Sở Tư pháp, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi người đó cư trú, cơ quan thi hành án hình sự và Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi có đơn vị người đó làm việc. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nhận được quyết định thi hành án phải lập hồ sơ và thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quân đội nơi người chấp hành án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.”

Như vậy, theo quy định trên, trường hợp người có hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải chấp hành hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù cho hưởng án treo thì thời hạn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hỏi. Xin cho biết theo quy định của pháp luật, người chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải thực hiện những nghĩa vụ nào?

Đáp:

Theo quy định tại Điều 130 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, người chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải thực hiện những nghĩa vụ sau:

1. Báo cáo về chức vụ, nghề hoặc công việc bị cấm đảm nhiệm cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.
2. Không được tiếp tục hoặc phải từ chối đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định đã bị cấm.
3. Không được ứng cử vào chức vụ đã bị cấm.
4. Trường hợp không còn làm việc trong cơ quan, tổ chức hoặc thay đổi nơi làm việc phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.
5. Có mặt khi cơ quan có thẩm quyền triệu tập liên quan đến việc chấp hành án của mình.

Hỏi. Xin cho biết thủ tục thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được pháp luật quy định như thế nào?

Đáp:

Theo quy định tại Điều 141 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, thủ tục thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được quy định như sau:

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra bản án, quyết định áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án phải gửi bản án, quyết định cho người đó, người đại diện của người đó và cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người dưới 18 tuổi cư trú.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người dưới 18 tuổi cư trú phải báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để ra quyết định đưa người dưới 18 tuổi vào trường giáo dưỡng.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người dưới 18 tuổi vào trường giáo dưỡng và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ và bàn giao người dưới 18 tuổi vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật;
- b) Quyết định đưa người dưới 18 tuổi vào trường giáo dưỡng;
- c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Danh bản;
- đ) Tài liệu khác có liên quan.

5. Khi tiếp nhận người phải chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng (sau đây gọi là học sinh), Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản giao nhận, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo việc đã tiếp nhận học sinh cho người đại diện của người đó.

Hỏi. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về chế độ quản lý học sinh tại trường giáo dưỡng?

Đáp:

Căn cứ theo quy định tại Điều 144 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, chế độ quản lý học sinh tại trường giáo dưỡng được quy định như sau:

1. Học sinh phải chịu sự giám sát, quản lý của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường.

2. Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ học vấn, tính chất và mức độ vi phạm, trường giáo dưỡng bố trí học sinh thành các đội, lớp, tổ, nhóm và phân công giáo viên trực tiếp phụ trách.

3. Trường học học sinh bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định và tổ chức truy tìm. Thời gian học sinh bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Khi bắt giữ mà học sinh có hành vi chống đối thì được áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân và cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc truy tìm, bắt giữ học sinh bỏ trốn. Khi phát hiện người bị truy tìm, người phát hiện có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này.

Khi bắt được người bỏ trốn hoặc nhận bàn giao người đó, cơ quan công an phải lập biên bản, lấy lời khai, lưu giữ và quản lý người bỏ trốn, thông báo ngay cho trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm. Khi nhận được thông báo, trường giáo dưỡng đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến ngay để nhận và đưa học sinh bỏ trốn về trường giáo dưỡng. Việc giao, nhận học sinh bỏ trốn phải lập biên bản. Thời gian lưu giữ được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Hỏi. Pháp luật quy định như thế nào về chế độ học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động tại trường giáo dưỡng?

Đáp:

Căn cứ theo quy định tại Điều 146 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, chế độ học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động tại trường giáo dưỡng được quy định như sau:

1. Học sinh ở trường giáo dưỡng được học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với học sinh chưa đạt trình độ phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở thì việc học văn hóa là bắt buộc. Đối với học sinh khác thì tùy khả năng, điều kiện thực tế mà tổ chức cho họ học tập phù hợp.

2. Ngoài giờ học tập, học sinh phải tham gia lao động do trường tổ chức. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm sắp xếp công việc phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của học sinh để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất; không bố trí những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

Thời gian lao động của học sinh không được nhiều hơn thời gian học tập. Thời gian học tập và lao động không quá 07 giờ trong 01 ngày và không quá 35 giờ trong 01 tuần.

Kết quả lao động của học sinh được sử dụng phục vụ sinh hoạt, học tập và bổ sung vào quỹ hòa nhập cộng đồng, quỹ khen thưởng của học sinh.

3. Học sinh được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí mua sách vở, đồ dùng học tập cho học sinh do ngân sách nhà nước cấp.

Hỏi. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về chế độ ăn, mặc của học sinh thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng?

Đáp:

Theo Điều 149 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, chế độ ăn, mặc của học sinh thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được quy định như sau:

“1. Học sinh được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, muối, chất đốt.

Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, học sinh được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Học sinh được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích do y sỹ hoặc bác sỹ chỉ định.

2. Hằng năm, học sinh được cấp quần áo, chăn, chiếu, màn và các đồ dùng sinh hoạt khác; học sinh nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

2. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ XÓA ÁN TÍCH

Hỏi. Pháp luật quy định về xóa án tích như thế nào?

Đáp:

Điều 69 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Người bị kết án được xóa án tích theo quy định tại các điều từ Điều 70 đến Điều 73 của Bộ luật này (*Đương nhiên được xóa án tích; Xóa án tích theo Quyết định của Tòa án; Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt; Cách tính thời hạn để xóa án tích*).

Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án.

2. Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích.

Hỏi. Những trường hợp nào là đương nhiên được xóa án tích?

Đáp:

Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Đương nhiên được xóa án tích được áp dụng đối với người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XIII (Các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXVI (Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của Bộ luật này khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.

Hỏi. Pháp luật quy định như thế nào về xóa án tích theo quyết định của Tòa án?

Đáp:

Điều 71 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII (Các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXVI (Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của Bộ luật này. Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người bị kết án căn cứ vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án và các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người bị kết án được Tòa án quyết định việc xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Tòa án quyết định việc xóa án tích từ khi người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu, thì sau 01 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi, thì sau 02 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích.

Hỏi. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt là như thế nào?

Đáp:

Điều 72 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

Trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì Tòa án quyết định việc xóa án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.

Hỏi. Pháp luật quy định như thế nào về cách tính thời hạn để xóa án tích?

Đáp:

Điều 73 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định cách tính thời hạn để xóa án tích như sau:

1. Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật này căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

2. Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.

3. Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người đó.

4. Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.

PHẦN II TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Tình huống 1. Hai học sinh cấp 3 là Nam và Minh tranh luận khi Nam cho rằng, phạm nhân là người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân vẫn có các quyền như được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hưởng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; được sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật... Trong khi đó, Minh lại phản đối vì phạm nhân không có các quyền này do đang chấp hành án.

Ý kiến nào chính xác? Theo quy định của pháp luật phạm nhân có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Ý kiến của Nam hoàn toàn chính xác theo quy định tại Điều 27 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về quyền và nghĩa vụ của phạm nhân như sau:

- Phạm nhân có các quyền sau đây:

+ Được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tôn trọng danh dự, nhân phẩm; được phổ biến quyền và nghĩa vụ của mình, nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân;

+ Được bảo đảm chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế theo quy định; gửi, nhận thư, nhận quà, tiền; đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của nơi chấp hành án;

+ Được tham gia hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ;

+ Được lao động, học tập, học nghề;

+ Được gặp, liên lạc với thân nhân, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân; đối với phạm nhân là người nước ngoài được thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự;

+ Được tự mình hoặc thông qua người đại diện để thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật;

+ Được bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo; được đề nghị xét đặc xá, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

+ Được tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hưởng chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

+ Được sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật;

+ Được khen thưởng khi có thành tích trong quá trình chấp hành án.

Bên cạnh quyền, phạm nhân có các nghĩa vụ sau đây:

+ Chấp hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự trong

quá trình thi hành án hình sự và các quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Chấp hành nội quy của cơ sở giam giữ phạm nhân, các tiêu chuẩn thi đua chấp hành án;

+ Chấp hành yêu cầu, mệnh lệnh, hướng dẫn của cán bộ cơ sở giam giữ phạm nhân;

+ Lao động, học tập, học nghề theo quy định;

+ Phạm nhân làm hư hỏng, làm mất hoặc hủy hoại tài sản của người khác thì phải bồi thường.

- Phạm nhân có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Tình huống 2. Qua nghe đài, ông Hải là một người dân ở vùng nông thôn được biết phạm nhân trong tù vẫn được nhà nước quan tâm cho học nghề, dạy nghề. Đó là một trong những hình thức giáo dục nhằm giúp cho phạm nhân có một nghề nhất định trước khi trở về với gia đình và xã hội, tái hòa nhập cộng đồng và đặc biệt, để họ có ý thức lao động, làm lại cuộc đời mà không tái phạm những sai lầm trước đó. Đây được coi là một hành động mang ý nghĩa nhân văn, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với những người lầm đường, lạc lối; cho họ cơ hội trở về lao động để trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

Ông Hải muốn biết rõ hơn về chế độ học tập, học nghề của phạm nhân được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Chế độ học tập, học nghề của phạm nhân được quy định tại Điều 31 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, theo đó:

- Phạm nhân được phổ biến pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hóa, học nghề. Phạm nhân chưa biết chữ phải học văn hóa để xóa mù chữ. Phạm nhân là người nước ngoài được khuyến khích học tiếng Việt. Phạm nhân được bố trí 01 ngày trong tuần để học tập, học nghề, trừ ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ yêu cầu quản lý, giáo dục cải tạo phạm nhân và thời hạn chấp hành án, trại giam, trại tạm giam tổ chức dạy học cho phạm nhân; căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tổ chức dạy học cho phạm nhân.

- Chương trình, nội dung học tập, học nghề của phạm nhân do Chính phủ quy định.

Bên cạnh đó, Điều 8 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về chế độ học nghề của phạm nhân như sau:

- Căn cứ vào khả năng, trình độ văn hóa, sức khỏe, giới tính của phạm nhân, thị trường lao động, điều kiện cụ thể và khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân, trại giam tổ chức dạy những nghề phổ thông, đơn giản hoặc tổ chức bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho phạm nhân; trại giam hợp tác với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc trung tâm giáo dục nghề nghiệp (có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật) để tổ chức dạy nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề cho phạm nhân.

- Phạm nhân là người dưới 18 tuổi, phạm nhân trong độ tuổi thanh niên đến 30 tuổi chưa có nghề nghiệp, phạm nhân có mức án dưới 05 năm và chuẩn bị chấp hành xong án phạt tù được ưu tiên bố trí học nghề, nâng cao tay nghề. Mỗi phạm nhân chỉ được học 01 nghề.

Về Kế hoạch dạy nghề, chương trình dạy nghề cho phạm nhân được quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Căn cứ vào chỉ tiêu nguồn vốn, kế hoạch năm, trại giam xây dựng kế hoạch dạy nghề của đơn vị mình gửi về Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an (đối với các trại giam do Bộ Công an quản lý), Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng (đối với các trại giam do Bộ Quốc phòng quản lý) để phê duyệt. Nội dung kế hoạch dạy nghề bao gồm căn cứ pháp lý, ngành nghề đào tạo, số lớp, số lượng học viên là phạm nhân học nghề, địa điểm tổ chức, hình thức đào tạo, trình độ và dự kiến thời gian đào tạo, dự toán kinh phí dạy nghề, nguồn vốn cấp. Phạm nhân học nghề được đào tạo trình độ sơ cấp hoặc đào tạo thường xuyên;

- Chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp cho phạm nhân: Chương trình đào tạo tối thiểu là 300 giờ với 03 đơn vị học tập bao gồm kiến thức nghề, kỹ năng thực hành, thái độ với nghề được học, thời gian thực hiện từ 03 tháng đến dưới 01 năm. Nội dung, cấu trúc của chương trình đào tạo trình độ sơ cấp phải đảm bảo tính khoa học, hệ thống, thực tiễn, sử dụng từ ngữ nhất quán, dễ hiểu và tương đương mục tiêu đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 4 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2015, phù hợp với khung trình độ, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

- Chương trình đào tạo nghề thường xuyên cho phạm nhân: Phạm nhân được học nghề theo hình thức truyền nghề, kèm cặp nghề, tập nghề, có thời gian thực học từ 100 giờ đến dưới 300 giờ và thời gian khóa học đến dưới 03 tháng. Chương trình đào tạo thường xuyên đảm bảo giúp người học có năng lực thực hiện được các công việc của nghề, tăng năng suất lao động, phạm nhân học xong tự thực hiện được công việc đơn giản, một hoặc một số phần công việc của một nghề, có hiểu biết về an toàn, vệ sinh lao động;

- Chương trình, nội dung đào tạo nghề được Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thẩm định và người đứng đầu cơ sở đào tạo phê duyệt và ban hành.

Tình huống 3. Bà Sang có con trai duy nhất là phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam X đã chấp hành hình phạt được gần 03 năm. Chỉ còn khoảng 01 năm nữa, con trai bà Sang sẽ chấp hành xong án phạt tù. Bà Sang lo lắng khi con trai mình ra tù thì làm thế nào để nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng.

Pháp luật quy định về việc tái hòa nhập cộng đồng như thế nào?

Trả lời:

Tái hòa nhập cộng đồng được quy định tại Điều 45 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

- Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng trước khi phạm nhân chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện. Nội dung chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng bao gồm:

+ Tư vấn tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý;

+ Định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm;

+ Hỗ trợ một phần kinh phí từ Quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam.

- Kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện tái hòa nhập cộng đồng bao gồm:

+ Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp;

+ Quỹ hòa nhập cộng đồng của trại giam và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

+ Nguồn đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác.

- Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tạo điều kiện, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng bằng các biện pháp sau đây:

+ Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng;

+ Dạy nghề, giải quyết việc làm;

+ Trợ giúp về tâm lý và hỗ trợ các thủ tục pháp lý;

+ Các biện pháp hỗ trợ khác.

Tình huống 4. Càng đến gần Tết, bà Dương lại càng thương nhớ và lo lắng cho đứa con gái duy nhất của mình là chị Phi đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam K. Chị Phi từ bé được mẹ cưng chiều nên lớn lên ngỗ nghịch, chơi cùng đám bạn xấu, do mâu thuẫn đã tham gia đánh người gây thương tích.

Bà Dương muốn biết ở trong tù, vào ngày lễ, tết, phạm nhân có được hưởng chế độ gì hay không?

Trả lời:

1. Về chế độ ăn, ở đối với phạm nhân, Khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Phạm nhân được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, đường, muối, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, chất đốt. Đối với phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật thì định lượng ăn được tăng thêm nhưng không quá 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, phạm nhân được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường...”

Căn cứ quy định trên, trong các ngày lễ, tết, ngoài những chế độ ăn ở được quy định tại Điều 48 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019, phạm nhân còn được ăn thêm với mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn thường ngày.

2. Về chế độ lao động của phạm nhân, Khoản 1 Điều 32 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định: *“Phạm nhân được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe và đáp ứng yêu cầu quản lý, giáo dục, hòa nhập cộng đồng. Phạm nhân lao động phải dưới sự giám sát, quản lý của trại giam, trại tạm giam. Thời giờ lao động của phạm nhân không quá 08 giờ trong 01 ngày và 05 ngày trong 01 tuần, được nghỉ vào các ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật. Trường hợp đột xuất hoặc thời vụ, Giám thị trại giam có thể yêu cầu phạm nhân làm thêm giờ nhưng không được vượt quá tổng số giờ làm thêm trong ngày theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp phạm nhân lao động thêm giờ hoặc lao động trong ngày nghỉ thì được nghỉ bù hoặc được bồi dưỡng bằng tiền, hiện vật.”*

Theo đó, trong ngày lễ, tết, đối với những phạm nhân được tổ chức lao động sẽ được nghỉ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm nhân lao động thêm giờ hoặc lao động trong ngày nghỉ thì được nghỉ bù hoặc được bồi dưỡng bằng tiền, hiện vật.

3. Về chế độ học tập, học nghề của phạm nhân

Điều 31 Luật này cũng quy định, phạm nhân được bố trí 01 ngày trong tuần để phổ biến pháp luật, giáo dục công dân và được học văn hóa, học nghề. Phạm nhân chưa biết chữ phải học văn hóa để xóa mù chữ. Phạm nhân là người nước ngoài được khuyến khích học tiếng Việt. Phạm nhân được bố trí 01 ngày trong tuần để học tập, học nghề, trừ ngày chủ nhật, lễ, tết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định trên, nếu thời gian học văn hóa, học nghề của phạm nhân rơi vào các ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật thì phạm nhân sẽ được nghỉ.

Như vậy, ngoài những chế độ chung đối với phạm nhân theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019, vào ngày lễ, tết, chị Phi được hưởng thêm các chế độ về ăn, ở; lao động; nghỉ ngơi nêu trên.

Tình huống 5. Khi nhận được quyết định con gái phải thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, gia đình anh Trí băn khoăn không biết con gái có được mang đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình vào trường không.

Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 150 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định: “*Học sinh được bố trí giường hoặc sàn nằm có chiếu trải và được phép sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng. Đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của học sinh được trường cho mượn hoặc cấp.*”

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về chế độ mặc và đồ dùng sinh hoạt của mỗi học sinh trong một năm được cấp như sau:

- 02 bộ quần áo dài;
- 01 bộ quần áo dài đồng phục;
- 02 bộ quần áo lót;
- 02 đôi dép nhựa;
- 01 áo mưa nilông;
- 01 mũ cứng;
- 01 mũ vải;
- 03 khăn mặt;
- 03 bàn chải đánh răng;
- 02 chiếu cá nhân;
- 800 g kem đánh răng;
- 3,6 kg xà phòng;
- 800 ml dầu gội đầu.

Học sinh vào trường giáo dưỡng được cấp 01 màn, 01 chăn sợi. Từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và 05 tỉnh Tây Nguyên, mỗi học sinh được cấp thêm 01 áo ấm, 02 đôi tất và 01 mũ len, 01 chăn bông có vỏ nặng không quá 02 kg dùng trong 02 năm. Đối với học sinh phải chấp hành từ 12 tháng trở lên thì được cấp 02 lần (trừ chăn bông).

Học sinh được mang vào trường giáo dưỡng những đồ dùng cá nhân thiết yếu để sử dụng theo quy định của Bộ Công an. Học sinh nữ được cấp đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân tương đương 03 kg gạo tẻ/học sinh/tháng.

Như vậy, theo quy định nêu trên, con gái anh Trí được sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng.

Tình huống 6. A bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Trong một lần học nghề, A không may bị máy khâu đập vào tay. A được đưa vào điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng. Vậy theo quy định của pháp luật, A có phải chi trả chi phí điều trị không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, học sinh được khám sức khỏe định kỳ; trường hợp học sinh bị ốm đau, bệnh tật, thương tích được điều trị tại cơ sở y tế của trường giáo dưỡng; trường hợp ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng điều trị của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định đưa họ đến điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh do trường giáo dưỡng chi trả.

Và theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 nêu trên do ngân sách nhà nước cấp. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp học sinh được nghỉ học để đưa về gia đình chữa bệnh thì gia đình học sinh phải chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 151 nêu trên, A không phải chi trả chi phí điều trị và chi phí điều trị của A do ngân sách nhà nước cấp.

Tình huống 7. Chồng chị Ánh hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X, trong quá trình tham gia lao động chồng chị Ánh không may bị ngã gãy tay, chị Ánh muốn biết pháp luật quy định như thế nào về chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 55 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định chế độ chăm sóc y tế đối với phạm nhân như sau:

Phạm nhân bị ốm, bị thương tích thì được khám bệnh, chữa bệnh và điều trị tại cơ sở y tế của trại giam, trại tạm giam hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước nơi gần nhất. Trường hợp phạm nhân bị bệnh nặng hoặc thương tích vượt quá khả năng điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó thì được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên để điều trị; trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thông báo cho thân nhân hoặc đại diện của người đó biết để phối hợp chăm sóc, điều trị. Chế độ ăn, cấp phát thuốc, bồi dưỡng cho phạm nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chi định.

Trại giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện, tuyến tỉnh, bệnh viện quân đội xây dựng hoặc bố trí một số buồng riêng trong cơ

sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị cho phạm nhân. Việc quản lý, giám sát phạm nhân trong thời gian điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chịu trách nhiệm.

Ngoài ra, Khoản 4 Điều này quy định kinh phí khám bệnh, chữa bệnh và kinh phí xây dựng, bố trí các buồng chữa bệnh dành cho phạm nhân tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước cấp.

Tình huống 8. Anh Ph bị Tòa án tuyên phạt 10 năm tù. Khi ở tù Ph đã có ý thức cải tạo tốt; tích cực học tập, lao động cải tạo và được xếp loại chấp hành án phạt tù loại khá.

Vì vậy trong đợt xét tha tù trước thời hạn có tên của Ph. Ph muốn biết hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện gồm những gì và được pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?

Trả lời:

Theo khoản 2 Điều 58 Luật thi hành án hình sự năm 2019 quy định hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện bao gồm:

a) Đơn xin tha tù trước thời hạn có điều kiện của phạm nhân kèm theo cam kết không vi phạm pháp luật, các nghĩa vụ phải chấp hành khi được tha tù trước thời hạn;

b) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; quyết định thi hành án;

c) Tài liệu thể hiện phạm nhân có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt là các quyết định hoặc bản sao quyết định xếp loại chấp hành án phạt tù;

d) Bản sao quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

đ) Văn bản, tài liệu thể hiện việc chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, án phí;

e) Tài liệu để xác định thời gian thực tế đã chấp hành án phạt tù;

g) Trường hợp phạm nhân là người có công với cách mạng hoặc thân nhân của người có công với cách mạng, người từ đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người đang chấp hành án phạt tù dưới 18 tuổi thì phải có tài liệu chứng minh;

h) Văn bản đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện của trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

Tình huống 9. Con trai chị H là K năm nay 16 tuổi, vừa bị tòa án tuyên án phạt tù. Chị H muốn biết gia đình được phép vào thăm nom cháu như thế nào? Chị H có thể mang một số vật dụng cá nhân vào tù cho cháu được không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 76 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 trường hợp của gia đình chị H được phép gặp K không quá 03 lần trong 01 tháng, mỗi lần gặp không quá 03 giờ. Bên cạnh đó, căn cứ kết quả xếp loại chấp hành án, yêu cầu giáo dục cải tạo, thành tích lao động, học tập của K, Giám thị trại giam quyết định kéo dài thời gian gặp nhưng không quá 24 giờ.

Trong trường hợp K được khen thưởng thì được gặp thân nhân thêm 01 lần trong 01 tháng.

Đồng thời, K được liên lạc bằng điện thoại trong nước với thân nhân không quá 04 lần trong 01 tháng, mỗi lần không quá 10 phút, có sự giám sát của cán bộ trại giam và tự chịu chi phí.

Theo quy định của Luật, Nhà nước khuyến khích thân nhân của K gửi sách vở, đồ dùng học tập, dụng cụ thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho K.

Tình huống 10. Anh X phạm tội chiếm giữ trái phép tài sản, Tòa án tuyên phạt 02 năm tù và được hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, anh X có những nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Anh X được hưởng án treo, do đó anh X có các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, cụ thể là:

- Có mặt theo giấy triệu tập và cam kết việc chấp hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này.

- Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; chấp hành đầy đủ hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp vì lý do khách quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

- Chịu sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi cư trú, nơi làm việc.

- Chấp hành quy định về giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo tại Điều 92 của Luật này.

- Phải có mặt theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

- Hằng tháng phải báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình. Trường hợp vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật này thì khi hết thời hạn vắng mặt, người được hưởng án treo phải báo cáo về tình hình chấp hành nghĩa vụ của mình.

Tình huống 11. Anh B phạm tội nhưng được hưởng án treo với thời gian thử thách là 2 năm. Hiện anh B đã chấp hành được 13 tháng, trong thời gian thử thách, anh B đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm.

Hỏi anh B có được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 89 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo như sau:

“1. Người được hưởng án treo được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách;

b) Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật này; tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động, bảo vệ an ninh, trật tự được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.”

Như vậy, trong trường hợp này, anh B đã chấp hành được 13 tháng (quá một phần hai thời gian thử thách), trong thời gian thử thách, anh B đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm. Do đó theo quy định tại Khoản 1 Điều 89, anh B được đề nghị rút ngắn thời gian thử thách.

Tình huống 12. Tòa án nhân dân huyện X tuyên phạt chị K 2 năm tù và cho hưởng án treo đối với tội cố ý gây thương tích. Trong thời gian chấp hành án, chị K được chẩn đoán mắc bệnh nặng và phải điều trị ít nhất trong vòng 08 tháng tại Bệnh viện tuyến Trung ương theo chỉ định của bác sỹ.

Hỏi việc chị K vắng mặt tại địa phương có được chấp nhận không? Vì sao?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người được hưởng án treo như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.”

Như vậy, trong trường hợp này, chị K được chẩn đoán mắc bệnh nặng và phải điều trị lâu dài tại Bệnh viện tuyến Trung ương theo chỉ định của bác sỹ nên có lý do chính đáng để xin phép vắng mặt tại nơi cư trú, đồng thời thời gian vắng mặt có thể vượt quá một phần ba thời gian thử thách do có chỉ định của bác sỹ.

Tình huống 13. Anh C bị Tòa án tuyên phạt 2 năm tù và cho hưởng án treo đối với tội danh vô ý gây thương tích. Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện đã có giấy triệu tập anh C đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi anh C cư trú để cam kết việc chấp hành án. Tuy nhiên, anh C không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan nào.

Hỏi anh C bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định về việc xử lý vi phạm đối với người được hưởng án treo như sau:

“1. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 2019 thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu người được hưởng án treo phải có mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm. Hết thời hạn này mà người được hưởng án treo vẫn không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập biên bản vi phạm và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú, Tòa án quân sự khu vực nơi người được hưởng án treo làm việc quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

Như vậy, trong tình huống trên, anh C không đến trụ sở UBND xã để ký cam kết việc chấp hành án theo Giấy triệu tập của Công an huyện, như vậy anh C vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu anh C phải có mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm. Hết thời hạn này mà anh C vẫn không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập biên bản vi phạm và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi anh C cư trú, làm việc quyết định buộc anh C phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tình huống 14. Tòa án nhân dân huyện X tuyên án phạt cảnh cáo với anh Ch về tội xâm phạm quyền bình đẳng giới. Anh Ch cư trú tại xã V, huyện X, tỉnh Y.

Hỏi việc thi hành án phạt cảnh cáo đối với anh Ch được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc thi hành án phạt cảnh cáo được quy định tại Điều 95 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

“1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án đã xét xử sơ thẩm phải gửi bản án cho người bị phạt cảnh cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người bị phạt cảnh cáo cư trú hoặc làm việc, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã xét xử sơ thẩm có trụ sở.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm theo dõi, thống kê, báo cáo theo quy định của Luật này.”

Như vậy, theo quy định trên, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Tòa án nhân dân huyện X phải gửi bản án cho anh Ch, Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện X, Ủy ban nhân dân xã nơi anh Ch cư trú hoặc làm việc, Sở Tư pháp tỉnh Y.

Đồng thời, cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện X có trách nhiệm theo dõi, thống kê, báo cáo theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Tình huống 15. Anh Còn đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian 2 năm 6 tháng với tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Anh Còn cư trú tại tỉnh X. Trong thời gian chấp hành án, anh Còn nhận được tin anh trai (hiện đã cư trú ở tỉnh Y) bị đột quỵ phải vào viện tỉnh Y để cấp cứu, do đó anh Còn muốn đến viện tỉnh Y để chăm sóc anh trai.

Hỏi, việc anh Còn vắng mặt tại tỉnh X có cần báo với chính quyền địa phương không?

Trả lời:

Việc giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 như sau:

“1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.”

Như vậy, trong trường hợp này, nếu anh Còn muốn sang tỉnh Y để chăm sóc anh trai, tức là anh Còn sẽ vắng mặt tại nơi cư trú hiện tại (tỉnh X), vì thế, theo quy định trên, anh Còn phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục. Đồng thời, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án.

Tình huống 16. Chị B hiện đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ 02 năm đối với tội danh sử dụng trái phép tài sản. Hiện chị đã chấp hành án phạt được 11 tháng. Trong thời gian thử thách chị B đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ theo quy định, tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm, bồi thường hết nghĩa vụ dân sự đối với các bên liên quan.

Hỏi chị B có được xem xét giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 102 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì quy định về việc giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được quy định như sau:

“1. Người chấp hành án có thể được Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực quyết định giảm thời hạn chấp hành án khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn án phạt; đối với người dưới 18 tuổi thì phải chấp hành được một phần tư thời hạn án phạt;

b) Trong thời gian thử thách người chấp hành án đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 của Luật này; tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm hoặc lập thành tích trong lao động, bảo vệ an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng;

c) *Bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự trong trường hợp có nghĩa vụ dân sự.*”

Như vậy, trong trường hợp này chị B đã chấp hành được 11 tháng (quá một phần ba thời hạn án phạt), Trong thời gian thử thách chị B đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghĩa vụ theo quy định, tích cực học tập, lao động, sửa chữa lỗi lầm, bồi thường hết nghĩa vụ dân sự đối với các bên liên quan. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì chị B có thể được Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định giảm thời hạn chấp hành án.

Tình huống 17. Chị Y được giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Vậy thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 103 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được quy định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án có trách nhiệm rà soát người đủ điều kiện giảm thời hạn chấp hành án, báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu kèm theo tài liệu có liên quan để đề nghị giảm thời hạn chấp hành án.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ và có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành án đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ giảm thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu lập hồ sơ và có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành án đối với người có đủ điều kiện gửi đến Tòa án và Viện kiểm sát quân sự khu vực. Trường hợp xét thấy không đủ điều kiện lập hồ sơ giảm thời hạn chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có văn bản thông báo cho đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án.

- Hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án bao gồm:

- + Đơn đề nghị giảm thời hạn chấp hành án của người chấp hành án;
- + Bản sao bản án. Đối với trường hợp xét giảm thời hạn chấp hành án từ lần thứ hai thì bản sao bản án được thay bằng bản sao quyết định thi hành án;
- + Văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành án của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án;

+ Trường hợp người chấp hành án được khen thưởng hoặc lập công thì hồ sơ phải có quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người chấp hành án lập công; trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì phải có kết luận của bệnh viện cấp tỉnh, bệnh viện cấp quân khu trở lên về tình trạng bệnh của họ; tài liệu thể hiện đã thực hiện được một phần nghĩa vụ dân sự;

+ Trường hợp người chấp hành án đã được giảm thời hạn chấp hành án thì phải có bản sao quyết định giảm thời hạn chấp hành án;

+ Tài liệu khác có liên quan.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực nơi người chấp hành án cư trú hoặc làm việc thành lập Hội đồng và tổ chức phiên họp để xét, quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ. Thành phần Hội đồng gồm 03 Thẩm phán; phiên họp có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trường hợp hồ sơ phải bổ sung theo yêu cầu của Tòa án thì thời hạn mở phiên họp được tính từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người chấp hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đề nghị giảm thời hạn chấp hành án, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Sở Tư pháp nơi Tòa án ra quyết định cho giảm thời hạn chấp hành án có trụ sở.

Như vậy, thủ tục giảm thời hạn chấp hành án phạt đối với chị Y được thực hiện theo quy định trên.

Tình huống 18. Ông Bằng đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ 03 năm đối với tội danh trộm cắp tài sản và về cư trú tại địa phương. Tuy nhiên, nhiều lần ông Bằng không nộp bản tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ chấp hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Công an xã đã tiến hành lập biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ nộp bản tự nhận xét 02 lần nhưng ông Bằng vẫn tiếp tục vi phạm.

Hỏi việc vi phạm của ông Bằng bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 105 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về việc xử lý vi phạm đối với người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thì:

“1. Trường hợp người chấp hành án có ý vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật Thi hành án hình sự 2019 thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản về việc vi phạm. Trường hợp đã lập biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ 02 lần nhưng người chấp hành án vẫn tiếp tục vi phạm thì Công an cấp xã đề

ngợi Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục tổ chức kiểm điểm người đó; trường hợp người chấp hành án do đơn vị quân đội giám sát, giáo dục thì đơn vị quân đội tổ chức kiểm điểm người đó.

Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ giám sát, giáo dục và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu.

2. Người chấp hành án đã bị kiểm điểm nhưng tiếp tục cố ý không chấp hành nghĩa vụ quy định tại Điều 99 của Luật Thi hành án hình sự 2019 thì không được xem xét giảm thời hạn chấp hành án. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.”

Như vậy, trong trường hợp này, ông Bằng đã cố ý vi phạm nghĩa vụ nộp bản tự nhận xét về việc thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Ngoài ra, ông Bằng đã bị lập biên bản 02 lần về hành vi vi phạm này nhưng vẫn tiếp tục vi phạm. Do đó, căn cứ quy định trên, Công an cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục tổ chức kiểm điểm ông Bằng. Việc kiểm điểm phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ giám sát, giáo dục và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Ngoài ra, nếu ông Bằng đã bị kiểm điểm nhưng tiếp tục cố ý vi phạm thì sẽ không được xem xét giảm thời hạn chấp hành án. Đồng thời tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Bằng.

Tình huống 19. Anh K bị kết án về Tội giết người dưới 16 tuổi và hình phạt bổ sung là phạt cấm cư trú trong thời hạn 5 năm. Tuy nhiên, trong khi chấp hành án, anh K bị chết do bị ung thư.

Vậy trong trường hợp này, thủ tục thi hành án phạt cấm cư trú được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, trường hợp người chấp hành án chết, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án cư trú thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định đình chỉ thi hành án và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Viện kiểm sát cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp

hành án cư trú, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành án bị cấm cư trú, Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở.

Như vậy, trường hợp người chấp hành án là anh K chết, thủ tục thi hành án phạt cấm cư trú được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 nêu trên.

Tình huống 20. Anh D bị Tòa án ra quyết định thi hành án phạt quản chế. Anh muốn biết mình có quyền và nghĩa vụ nào để biết và thực hiện. Vậy pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 114 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, người chấp hành án phạt quản chế có các quyền sau đây:

- Sinh sống cùng gia đình tại nơi quản chế;
- Lựa chọn việc làm thích hợp, trừ những ngành, nghề hoặc công việc mà người chấp hành án không được làm theo quy định của pháp luật; được hưởng thành quả lao động do mình làm ra;
- Tự do đi lại trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi quản chế;
- Được xét miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại theo quy định.

Và theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, người chấp hành án có các nghĩa vụ sau đây:

- Chịu sự kiểm soát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân địa phương; không được tự ý rời khỏi nơi quản chế;
- Mỗi tháng một lần vào tuần đầu của tháng, trình diện và báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế việc chấp hành quy định về quản chế;
- Có mặt tại địa điểm quy định khi Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập, nếu vắng mặt phải có lý do chính đáng;
- Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật và quy định của chính quyền địa phương; tích cực lao động, học tập, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội;
- Trường hợp được phép đi khỏi nơi quản chế, người chấp hành án phạt quản chế phải khai báo tạm vắng; trình diện, xuất trình giấy phép, làm thủ tục đăng ký tạm trú, lưu trú với Công an cấp xã nơi đến theo quy định; trở về nơi quản chế đúng thời hạn và trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Như vậy, trong trường hợp trên, quyền và nghĩa vụ của anh D - người chấp hành án phạt quản chế được quy định tại Điều 114 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Tình huống 21. D (15 tuổi) bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Tuy nhiên, D bị bệnh tim bẩm sinh, rất yếu ớt, đã được bệnh viện cấp huyện kết luận.

Trong trường hợp này, D có phải tiếp tục áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không? Và trường hợp của D pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 142 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, trường hợp học sinh trường giáo dưỡng bị bệnh nặng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ và có văn bản đề nghị Tòa án cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định tạm đình chỉ. Hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ thực hiện bao gồm:

- Đơn đề nghị của người phải chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc của người đại diện của họ;
- Kết luận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên về tình trạng bệnh của người phải chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- Giấy bảo lãnh của người đại diện của người phải chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, có xác nhận của chính quyền địa phương.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Chánh án Tòa án cấp huyện phải xem xét, quyết định.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 142 nêu trên, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ phải gửi quyết định đó cho cá nhân, cơ quan sau đây:

- Người phải chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, người đại diện của người đó;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đã đề nghị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong trường hợp tạm đình chỉ.

Và tại Khoản 6 Điều 142 quy định, khi không còn lý do hoãn, tạm đình chỉ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định và đưa người đó vào trường giáo dưỡng.

Như vậy theo quy định tại Điều 142 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 nêu trên, D thuộc trường hợp tạm đình chỉ thực hiện áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và trình tự, thủ tục được quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 142.

Tình huống 22. Từ ngày con trai bị đưa vào trường giáo dưỡng, chị A thương con mất ăn, mất ngủ. Chị lo không biết con trai mình ngoài học tập, lao động có được tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí không?

Vậy pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?

Trả lời:

Theo Điều 148 Luật Thi hành án hình sự năm 2019, chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí đối với trường hợp thi hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được quy định như sau:

“Ngoài giờ học văn hóa, học nghề, lao động, học sinh được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường giáo dưỡng tổ chức.”

Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 nêu trên, con trai chị A ngoài giờ học văn hóa, học nghề, lao động còn được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường giáo dưỡng tổ chức.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	2
PHẦN I: HỎI - ĐÁP PHÁP LUẬT	3
1. LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ NĂM 2019	3
2. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ XÓA ÁN TÍCH	31
PHẦN II: TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT	35